

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/02/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+PVD8	7:25	20+0	0+0		18+4	0+0	
2		BK8+BK6+P5	7:25	9+7+0	0+0+0		5+3+14	0+0+0	
3		CTC1+RC3+P10	7:25	9+6+0	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
4		RC10+RP2	9:25	3+18	0+0		3+18	0+0	
5		TD5+TD3+P2	9:25	1+0+13	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
6		RP2+BK9+BK5	9:25	13+0+4	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
7		BK6+BK8+CTC1	12:00	0+0+6	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
8		P4+P2	12:00	3+3	0+0		3+19	0+0	

TTDSSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày P2-8ng, BK6-3ng, Bk8-3ng, CTC1-4ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P2 - PVD8	CREW: VIỆT - ĐNAM - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0659	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY	
						PCS	KGS				
1	NGUYỄN ĐỨC NHƯ QUYNH	P2						57	ĐAI PHÁT T	Vietnamese	
2	NGUYỄN HOÀN THIỆN	P2						84	ĐAI PHÁT T	Vietnamese	
3	NGUYỄN HOANG ANH	P2						89	ĐAI PHÁT T	Vietnamese	
4	HOANG THANH BINH	P2	72	1	3			62	VIETSOVPE	Vietnamese	
5	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P2						68	KH-THAC	Vietnamese	
6	NGUYỄN MẠNH TUỆ	P2						68	KH-THAC	Vietnamese	
7	ĐÀO THỊ THUY GIANG	P2						49	KH-THAC	Vietnamese	
8	LÊ VĂN LONG	P2	70	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese	
9	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	78	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese	
10	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	73	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese	
11	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	71	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese	
12	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	74	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese	
13	NGUYỄN THÀNH NAM	P2	77	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese	
14	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2					2	6	83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	79	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese	
16	TRẦN ANH BAO	P2						66	YTE	Vietnamese	
17	LÊ ANH TỰ	P2	75-76	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese	
18	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						70	KH-THAC	Vietnamese	
19	HA CHIEN THANG	P2	67	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese	
20	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	80	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese	
21	TRẦN DỤC KHANG	P2	66	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese	

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	21	1.497	13	92	2	6	17		
2	PVD8	0	0	0	0	1	4	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.497</b>	<b>13</b>	<b>92</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.497</b>		<b>92</b>		<b>10</b>			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK8 - BK6 - P5	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0662	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HOANG CẨM	BK8	36	1	3	1	20	78	KH-THAC	Vietnamese
2	KRAPIVKA VADIM S.	BK8	40	1	2			96	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK8	32	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	BK8						91	KH-THAC	Vietnamese
5	DUYNG ĐÌNH QUAN	BK8	34	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG VIET HỢP	BK8	35	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK8	33	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN HẢI NINH	BK8	37-39	3	19			86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NGUYỄN	BK8	31	1	4			72	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK6	82	1	5	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	BK6						65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH DŨNG	BK6						97	KH-THAC	Vietnamese
13	MORDYASHOV SEMEN P.	BK6	88	1	2			84	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN THANH HAI (12514)	BK6	85-86	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THIỆP	BK6	60	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TRỌNG MINH	BK6	83-84	2	7			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	9	690	10	49	1	20	5		
2	BK6	7	528	7	34	1	10	3		
3	P5	0	0	0	0	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.218</b>	<b>17</b>	<b>83</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.218</b>		<b>83</b>		<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: CTC1 - RC3 - P10	CREW: ĐỨC - HỒỨC - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/0665		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN LÊ PHƯƠNG	CTC1						68	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM LÊ NGỌC LONG	CTC1	30	1	2			74	D-HANH	Vietnamese
3	VU ĐÌNH DAN	CTC1	31-32	2	8	2	30	89	D-HANH	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	76	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	73	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH VŨ	CTC1	28	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	77	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	74-75	2	6			76	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	29	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG HỮU SƠN	RC3	02	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO VIỆT HAI	RC3	04	1	7	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	01	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRINH	RC3	05	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3						63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	RC3	03	1	9			101	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	9	671	10	46	2	30	4		
2	RC3	6	451	5	28	1	20	10		
3	P10	0	0	0	0	3	55	8		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>1.122</b>	<b>15</b>	<b>74</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.122</b>		<b>74</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.301 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
HOÀNG ANH ĐỨC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: RC10 - RP2	CREW: QVIỆT - ĐNAM - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0660	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	76	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	74	1	8	1	20	62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RC10	75	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HÀ	RP2	01	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TẤN TÀI	RP2	06	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	08-09	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	12	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	10-11	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TUẤN ANH	RP2	19	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	RP2						85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ THANH	RP2	20	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ TUẤN ANH	RP2	04	1	9	4	52	80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	16	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	05	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	17	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HỮU TÂM	RP2	15	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN SANG	RP2	03	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	07	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI SANG	RP2	18	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	02	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	13-14	2	18			64	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	3	197	3	26	1	20	3		
2	RP2	18	1.243	20	135	4	52	18		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.440</b>	<b>23</b>	<b>161</b>	<b>5</b>	<b>72</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.440</b>		<b>161</b>		<b>72</b>			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - TD3 - P2	CREW: DUONG - TTRUNG - VU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0663	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD5	400	1	15			80	DVL	Vietnamese
2	PHẠM THANH HIÊN	P2	55	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN NAM	P2	60	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	63	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	56	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ TUẤN HÙNG	P2	64	1	3			53	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH HOÀN	P2	57	1	9	1	10	90	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU ANH TUẤN	P2	62	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	61	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ANH TUẤN	P2	58-59	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HUY QUYNH	P2						67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SY VANG	P2	65	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	1	80	1	15	0	0	1		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	7		
3	P2	12	827	11	62	1	10	14		
TOTAL		13	907	12	77	1	10	22		
WEIGHT KG			907		77		10			

GRAND TOAL: 994 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: RP2 - BK9 - BK5	CREW: ĐỨC - HỒỨC - ĐANG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0666	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ DUY QUYÊN	RP2	69	1	12	1	20	64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2	61	1	3	1	5	69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	63-64	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUÂN	RP2	62	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	68	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TUÂN	RP2	60	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI VĂN TUÂN	RP2	66	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	70	1	6			74	PSV	Vietnamese
9	TRẦN MINH HÙNG	RP2	71	1	5			84	PSV	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	67	1	6			66	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	59	1	4			65	PSV	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH TỰ	RP2	65	1	7			64	PSV	Vietnamese
13	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	11-12	2	10	1	6	82	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	14-15	2	20			62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HÙNG CƯỜNG	BK5	615	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THĂNG	BK5	613-614	2	11			71	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	WT				PCS	WT
1	RP2	12	826	13	81	2	25	13		
2	BK9	0	0	0	0	4	51	5		
3	BK5	4	294	7	46	1	6	4		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.120</b>	<b>20</b>	<b>127</b>	<b>7</b>	<b>82</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.120</b>		<b>127</b>		<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.329 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC   
HOÀNG ANH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: BK6 - BK8 - CTC1	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0661	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VIỆT HUNG	CTC1	4000,89	2	17			95	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN MẠNH	CTC1	90-91	2	17			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC XUÂN	CTC1	98-99	2	10			59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HIỆU	CTC1	84	1	12			54	DVL	Vietnamese
5	ĐOÀN MINH ĐẠT.	CTC1	85-87	3	20			77	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	CTC1	97,88	2	18			61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	0	0	0	0	0	0	4		
2	BK8	0	0	0	0	0	0	6		
3	CTC1	6	417	12	94	0	0	12		
TOTAL		6	417	12	94	0	0	22		
WEIGHT KG			417		94		0			

GRAND TOAL: 511 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: P4 - P2	CREW: XHOÀN - CHIÊN - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0664	

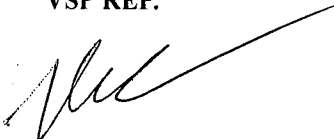
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TẠ VĂN CƯỜNG	P4	13	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NALYVAICHUK IVAN	P4	14	1	8	1	20	93	KHI	Russian
3	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	33	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG LƯU	P2	34-35	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG NINH	P2						67	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN


No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	2	160	2	12	1	20	3		
2	P2	3	203	3	18	0	0	19		
TOTAL		5	363	5	30	1	20	22		
WEIGHT KG			363		30		20			

GRAND TOAL: 413 KGS

VSP REP.

  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

  
LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

  
ĐỖ XUÂN HOÀN   
ĐỖ VĂN CHIẾN